Mô-đun IO-Link Master CPX-E-4IOL

Số bộ phận: 4080495

Bảng dữ liệu

Đặc **tính**	**Giá** trị
Giao thức	Kết nối IO-Link
Kích thước B x L x H	18,9 mm x 76,6 mm x 124,3 mm
Kích thước lưới	18.9 mm
Kiểu gắn	với ray DIN
trọng lượng sản phẩm	96 g
Vị trí lắp đặt	dọc ngang
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường	-5 - 60 °C để lắp đặt thẳng đứng
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
Độ ẩm tương đối	95 % không cô đặc
Mức độ bảo vệ	IP20
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Bảo vệ chống tiếp xúc trực tiếp và gián tiếp	PELV
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Giấy phép	Dấu RCM c UL us - Listed (OL)
Cơ quan cấp chứng chỉ	UL E239998
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu vỏ	PA
Chẩn đoán theo đèn LED	Lỗi mỗi mô-đun Trạng thái trên mỗi kênh

Đặc **tính**	**Giá** trị
Chẩn đoán bằng bus	Thiết bị bị thiếu/hỏng Đứt dây Lỗi mô-đun Ngắn mạch Lỗi tham số Tràn/chưa đầy Điện áp thấp lỗi chung
Khối lượng địa chỉ tối đa Đầu ra	1 Byte
Số lượng đầu ra	8
Thông số mô-đun	Chẩn đoán ngắn mạch nguồn cấp truyền động Tắt nguồn cung cấp cảm biến Phản hồi sau ngắn mạch/quá tải
Thông số kênh	Bỏ kích hoạt nguồn cung cấp thiết bị truyền động Mã lỗi thiết bị Lực kênh x Chế độ kênh Trạng thái kênh Thời gian chu kỳ
Nguồn điện, kiểu kết nối	Dải đầu kẹp
Cung cấp điện, công nghệ kết nối	Đầu kẹp lò xo
Cung cấp điện áp, số cực / dây	4
Điện áp hoạt động danh định DC của tải	24 V
Phụ tải dao động điện áp cho phép	± 25 %
Điện áp hoạt động định mức DC Điện tử/cảm biến	24 V
Điện áp dao động cho phép điện tử / cảm biến	± 25 %
Nguồn điện, mặt cắt dây dẫn	0.2 mm²...1.5 mm²
Nguồn cung cấp, lưu ý trên mặt cắt dây dẫn	0,2 - 2,5 mm² đối với ruột dẫn mềm không có ống bọc đầu dây
Mức tiêu thụ dòng điện nội tại ở điện áp vận hành định mức điện tử/ cảm biến	thường là 50 mA
Công suất tiêu thụ bên trong ở tải điện áp hoạt động danh định	thường là 15 mA
Chống phân cực	Tải 24 V so với tải 0 V Nguồn cấp cho cảm biến 24 V so với nguồn cấp cho cảm biến 0 V
Đặc tính các đầu ra	theo IEC 61131-2, loại 0,5
Logic chuyển mạch đầu ra	PNP (chuyển mạch dương)
Hành vi sau khi quá tải đầu ra	Không quay lại tự động
Điện trở ngược điện áp tải	không
Điện trở ngược điện áp logic	không
Tổng đầu ra hiện tại tối đa trên mỗi mô-đun	4 A
Cách ly điện kênh - kênh	không
Kênh cách ly điện - Bus nội bộ	không
Cầu chì (Ngắn mạch)	cầu chì điện tử bên trong mỗi kênh cầu chì điện tử bên trong mỗi mô-đun
Cổng nối điện IO-Link, kiểu kết nối	4x cầu đấu dây
Cổng nối điện IO-Link, công nghệ kết nối	Đầu kẹp lò xo
Cổng nối điện IO-Link, số chân cắm/dây	6
Cổng nối điện IO-Link, tiết diện dây dẫn	0.2 mm²...1.5 mm²
Cổng nối điện IO-Link, lưu ý trên tiết diện dây dẫn	0,2 - 2,5 mm² đối với dây dẫn linh hoạt không có măng sông
IO-Link, giao tiếp	C/Q LED xanh lá
IO-Link, số lượng cổng	4
IO-Link, Port class	B
IO-Link, phiên bản giao thức	Master V 1.1
IO-Link, Communication mode	có thể cấu hình thông qua phần mềm SIO, COM1 (4,8 kBaud), COM2 (38,4 kBaud), COM3 (230,4 kBaud)
IO-Link, độ rộng xử lý dữ liệu OUT	có thể tham số hóa 8 - 32 byte
IO-Link, xử lý độ rộng dữ liệu IN	có thể tham số hóa 8 - 32 byte
IO-Link, thời gian chu kỳ tối thiểu	tùy thuộc vào thời gian chu kỳ được hỗ trợ tối thiểu của thiết bị IO-Link được kết nối